

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

- 1 -
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2020
V/v ly hôn giữa
Bà K và ông D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Nguyễn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị K (K)**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông **Phan Văn D (D)**, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phan Văn D cưới nhau vào năm 2005, hôn nhân do tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2006 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An. Theo bà, thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D không lo làm ăn để chăm lo cho vợ con, bà đã khuyên nhiều lần nhưng ông D vẫn không thay đổi. Bà và ông D ly thân từ năm 2013 cho đến nay nhưng cả hai không ai có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay xét thấy thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Phan Thị Kim H, sinh ngày 08/11/2006, hiện ông D đang nuôi dưỡng cháu H. Khi ly hôn, bà đồng ý cho ông D được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung; bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không có.

Về nợ: không có.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Phan Văn D vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn D. Ông Dũng có nơi cư trú tại ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Phan Văn D đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Phan Văn D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà K nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông D không lo làm ăn để chăm lo cho vợ con, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông D.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D không đến Tòa án, chứng tỏ ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà K để vợ chồng đoàn tụ, bà K cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng ly thân đã lâu và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà K yêu cầu được ly hôn với ông D là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị K.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do bà K cung cấp, bà K và ông D có 01 con chung tên Phan Thị Kim H, sinh ngày 08/11/2006. Xét thấy, ông D là người đang trực tiếp nuôi cháu H và nguyện vọng của cháu H mong muốn được sống với ông D, bà K cũng đồng ý cho ông D được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, điều này phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử quyết định cho ông D được tiếp tục nuôi cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông D không có văn bản trình bày vấn đề này, bà K xác định không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do ông D không có văn bản trình bày vấn đề này, bà K xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị K và ông Phan Văn D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về việc “Ly hôn” với ông Phan Văn D.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Phan Văn D.

2. Về nuôi con chung: Ông Phan Văn D được tiếp tục nuôi con chung là cháu Phan Thị Kim H, sinh ngày 08/11/2006. Bà Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008339 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS huyện Cần Đức;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung